

MÃY NÉT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐẢNG ANH

Ths. Mai Hoài Anh

Viện Quan hệ quốc tế

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

1. Cơ cấu tổ chức của Công đảng

Khái quát quá trình phát triển:

Năm 1900, Công đảng Anh được thành lập với tư cách đại diện chính trị cho những lợi ích của giai cấp công nhân và các tổ chức công đoàn. Tên ban đầu của nó là Ủy ban Đại diện Lao động (The Labour Representation Committee) trên cơ sở liên hợp giữa Tổ chức Nghiệp đoàn (Trade Union Congress) và Đảng Lao động Độc lập (Independent Labour Party), đến năm 1906, tổ chức này mới lấy tên là Công đảng (Labour Party). Năm 1924, lần đầu tiên Công đảng trở thành đảng cầm quyền ở Vương quốc Anh và tiếp đó, Công đảng đã nắm quyền lãnh đạo đất nước qua các thời kỳ 1929-1931, 1945-1951, 1964-1970, 1974-1979. Từ cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, Công đảng sau một thời gian dài không nắm quyền đã bắt tay tìm kiếm con đường mới nhằm thoát khỏi tình thế khó khăn. Sau thất bại tại cuộc tổng tuyển cử năm 1987, Công đảng đã tiến hành xem xét lại các chính sách truyền thống của Đảng. Năm 1992, sau khi John Smith làm Chủ tịch Đảng, lại tiến hành cải cách chế độ bầu cử của Đảng, thực hiện

"chế độ một người một phiếu" bầu lãnh tụ. Năm 1994, Tony Blair trở thành Chủ tịch Đảng, dưới khẩu hiệu xây dựng "Công đảng mới" (New Labour) đã tiến hành cải cách Công đảng, làm cho Công đảng chi trong thời gian ngắn đã thực hiện "hiện đại hoá", từ một chính đảng truyền thống coi trọng hình thái ý thức chuyển biến thành chính đảng hiện đại lấy việc tranh cử lên cầm quyền làm mục tiêu phấn đấu chủ yếu. Kết quả là Công đảng đã liên tục thắng cử và cầm quyền 3 nhiệm kỳ liên tiếp từ năm 1997 đến năm 2010. Trong cuộc bầu cử Quốc hội tháng 5/2010, Công đảng dưới sự lãnh đạo của Gordon Brown đã thất bại và phải nhường quyền thành lập chính phủ cho Đảng Bảo thủ.

Trước tình hình đó, tại Đại hội Công đảng diễn ra ngày 25/9/2010, ông Ed Miliband đã được bầu làm Chủ tịch Đảng, đánh dấu sự chuyển giao thế hệ lãnh đạo và một khởi đầu mới của Công đảng. Đoạn tuyệt với thời kỳ trước, trở về cội nguồn và tìm lại bản sắc truyền thống là những nét chính trong quan điểm chính sách mới của Công đảng nhằm sớm trở lại cương vị cầm

quyền. Nhiệm vụ của Công đảng là phải đồng thời đẩy lùi sự trỗi dậy của cánh hữu theo đường lối bảo thủ và chinh phục được khu trung tâm giữa tả và hữu, giữa xã hội dân chủ và bảo thủ, và phải tranh thủ các tổ chức công đoàn và xã hội, thể hiện khả năng trong chính sách kinh tế, an ninh.

Cơ cấu tổ chức của Công đảng bao gồm:

Đại hội Đảng: Đại hội Đảng được tổ chức hàng năm, là cơ quan quyết sách cao nhất của Đảng. Theo Điều lệ Đảng, hoạt động của Đảng được tiến hành dưới sự chỉ đạo và kiểm soát của đại hội Đảng. Đại hội Đảng bầu ra Ban Lãnh đạo toàn quốc. Thành viên của Đại hội khoảng hơn 1.000 các đại biểu được uỷ nhiệm từ các bộ phận của Đảng như: đảng Nghị viện, Công đoàn, khu vực bầu cử,... Đại hội Đảng quyết định chính sách và những vấn đề quan trọng của Đảng. Những đề xuất nhận được ít nhất 2/3 đa số đại biểu tán thành sẽ trở thành một phần nghị quyết của Đảng. Tuy nhiên, lãnh đạo Đảng kết hợp với NEC có quyền bổ sung thêm các chính sách của Đảng.

Ban Lãnh đạo toàn quốc (National Executive Committee - NEC): Là cơ quan quản lý cao nhất của Đảng, gồm 29 thành viên, trong đó 27 thành viên được toàn thể Đại hội hoặc một bộ phận thành viên Đại hội bầu ra, đại diện cho các bộ phận khác nhau của Đảng và theo Điều lệ Đảng chịu sự chỉ đạo, điều hành của Đại hội Đảng và có quyền điều hành Đảng giữa hai kỳ Đại hội.

- *Đảng Nghị viện (Parliamentary Labour Party - PLP):* Bao gồm các nghị sĩ là đảng viên của Đảng. Có vai trò đại diện cho chính sách, lợi ích của Đảng cũng như lợi ích của các cử tri ở Nghị viện. Đảng Nghị viện luôn đóng vai trò rất quan trọng trong cơ cấu tổ chức của Công đảng (cùng với tổ chức Đảng ở các khu vực bầu cử; Công đoàn và các tổ chức phụ thuộc khác). Khi là đảng đối lập, PLP có quyền bầu “nội các bóng” Đại hội Đảng có trách nhiệm hướng dẫn Đảng Nghị viện và các thành viên Nghị viện thực hiện chương trình hành động, nhưng biện pháp và thời gian lại do PLP quyết định.

Tổ chức đảng khu vực bầu cử (Constituency Labour Parties - CLP): Là tổ chức cơ sở của Công đảng, có nhiệm vụ chính là xem xét và quyết định các ứng cử viên tranh cử vào Hạ viện đề cơ quan trung ương đảng thông qua. Ngoài ra, tổ chức này còn thực hiện các nhiệm vụ khác như tăng nguồn tài chính, tuyên truyền chính sách của Đảng, tổ chức vận động bầu cử. Tổ chức Đảng ở mỗi khu vực bầu cử đều thiết lập “Hội đồng quản lý” khoảng 50 người, gồm đại biểu của đoàn thể, đảng viên cá nhân chiếm 60% và đại biểu của các tổ chức phụ thuộc (Công đoàn, hợp tác xã...) chiếm 40%.

Quyền lực của Công đảng tập trung chủ yếu ở lãnh tụ Đảng, Đại hội Đại biểu toàn quốc và Ban Lãnh đạo toàn quốc. Lãnh tụ Đảng vừa là Chủ tịch Đảng, vừa là Chủ tịch Đảng Nghị viện, có quyền lực tương đối lớn, do Đảng Nghị viện cùng với một số đại diện từ các cơ sở Đảng bầu ra. Khi Công đảng

cầm quyền, lãnh tụ Đảng sẽ đảm nhận chức Thủ tướng, đồng thời chỉ huy các thành viên Nội các; khi Công đảng không nắm quyền sẽ là lãnh tụ của đảng đối lập, đồng thời chỉ định chức vụ cụ thể cho các thành viên của “nội các bóng” mà Đảng Nghị viện bầu. Khi Công đảng không cầm quyền, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Đảng phải tiến hành bầu lại ở Đại hội Đại biểu toàn quốc hàng năm (hoặc ở Hội nghị Bầu cử do Ban Lãnh đạo toàn quốc đặc biệt bố trí), còn khi đang chấp chính thì không cần bầu lại. Điều đó có nghĩa là, lãnh tụ Đảng sẽ có nhiệm kỳ Thủ tướng ngang bằng với nhiệm kỳ của Hạ viện (trong trường hợp đặc biệt, Thủ tướng từ chức giữa nhiệm kỳ thì Đại hội Đảng sẽ bầu lãnh tụ mới và tiếp nhận chức vụ Thủ tướng mà không cần phải tổ chức một cuộc bầu cử Quốc hội mới. Trường hợp ông Gordon Brown thay ông Tony Blair làm lãnh tụ Đảng và Thủ tướng là một ví dụ cụ thể). Do việc lãnh tụ Đảng đồng thời cũng là Thủ tướng, nên trong các vấn đề chính sách, giữa Đảng và Chính phủ sẽ tạo ra sự nhất quán. Hơn nữa, các vị bộ trưởng cũng chính là những người đứng đầu các phe nhóm của Đảng trong Quốc hội, nên hầu như người ta khó có thể nhận thấy mâu thuẫn nào trong đường lối của Công đảng với các chính sách mà chính phủ đề xuất và thực hiện.

Trước kia, việc bầu lãnh tụ Đảng do Công đoàn chủ trì theo chế độ bỏ phiếu tập thể (trong đó Công đoàn được ấn định 40% số phiếu, Đảng Nghị viện 30% và Đảng Khu vực bầu cử 30%) nên rất bất lợi cho tính dân chủ trong Đảng. Từ năm 1993, Công đảng đã

tiến hành cải cách trình tự bầu lãnh tụ, phế bỏ chế độ bỏ phiếu tập thể, thực hiện mỗi người một phiếu và mỗi một bộ phận đều có tỷ lệ phiếu như nhau là 1/3. Hơn thế, người được đề cử phải được sự ủng hộ của 12,5% số thành viên của Đảng Nghị viện mới có thể được đề tên, còn khi có người muốn thách thức với lãnh tụ đương nhiệm thì phải được sự ủng hộ của 20% trong số đảng viên ở Nghị viện¹. Việc áp dụng phương pháp này là tiêu chí đánh dấu Công đảng lấy chế độ dân chủ trực tiếp thay thế cho chế độ dân chủ ủy thác, và cũng là một trong những sự khác biệt về tổ chức giữa Công đảng mới với Công đảng cũ.

Về đội ngũ đảng viên:

Như nhiều chính đảng khác ở Tây Âu, hiện tại Công đảng cũng đang phải đối mặt với tình trạng suy giảm đảng viên. Năm 1993, số lượng đảng viên Công đảng có khoảng 310.000, đến năm 1997 đã tăng 30%, lên tới 405.000², nhưng lại bị sút giảm nghiêm trọng vào những năm sau đó, chỉ còn 208.000 vào năm 2004 và 198.000 vào năm 2005³. Mặc dù còn có hơn 4 triệu thành viên Công đoàn là hội viên chính thức của Công đảng và có quyền bỏ phiếu với tư cách cá

¹ *Hiện đại hóa trong hệ thống tổ chức của Công đảng Anh*, Tạp chí Những vấn đề CNXH thế giới đương đại (Trung Quốc), số 3/2002.

² Dennis Kavanagh, *British Politics – Continuities and Change*, Oxford University Press, 2000, p 220.

³ Lương Văn Kế, *Hệ thống chính đảng và cơ sở luật pháp của các đảng dân chủ xã hội châu Âu (Đức, Anh, Thụy Điển)*, Tham luận tại Hội thảo “Tổ chức và hoạt động của đảng dân chủ xã hội qua kinh nghiệm của Đức, Thụy Điển, Anh”, do Học viện Chính trị Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và Viện FES tổ chức, Hà Nội 11-12/10/2011.

nhân bầu lãnh đạo Đảng theo các quy trình hiện hành, nhưng tình trạng này nếu không nhanh chóng khắc phục có thể sẽ dẫn tới nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến sự tồn tại của Đảng vì: Đảng viên là bộ phận hợp thành rất quan trọng trong bộ máy bầu cử của Đảng, đề bạt lãnh tụ Đảng, lựa chọn đại biểu của Đảng và giúp Đảng mở rộng phạm vi ảnh hưởng chính trị, xây dựng tổ chức Đảng và ủng hộ tài chính cho Đảng vận hành; Đồng thời, họ tạo ra không gian thử nghiệm và kiểm nghiệm chính sách của Đảng; Ngoài ra, họ còn là “đại sứ” của Đảng ở những nơi họ cư trú. Do đó, để duy trì sự tồn tại và phát triển của Đảng, nhiệm vụ hàng đầu của Công đảng là phát triển Đảng nhằm bảo đảm số lượng đảng viên tương đối, đưa họ vào các tổ chức cơ sở chính thức hoặc phi chính thức và bảo vệ sự trung thành chính trị của họ. Trước kia đảng viên Công đảng theo chế độ đảng viên tập thể. Từ năm 1994, Công đảng áp dụng biện pháp đẩy nhanh hơn nữa nhịp độ phát triển đảng viên cá nhân. Một mặt, khuyến khích nhiều đảng viên gia nhập đảng tập thể qua tổ chức Công đoàn, thực hiện thủ tục để trở thành đảng viên cá nhân; Mặt khác, thu hút nhiều đảng viên cá nhân từ xã hội nhằm mở rộng tính đại diện và tính mở ngò của Đảng. Thủ tục vào Đảng cũng được đơn giản hoá, Công đảng chỉ yêu cầu đảng viên thừa nhận cương lĩnh Đảng và nộp đảng phí.

Về kỷ luật Đảng:

Một trong những lý do căn bản dẫn tới sự thành công của Công đảng trong những năm qua là Đảng đã áp dụng thành công hệ

thống tổ chức và kỷ luật. Sự cố kết trong nội bộ Đảng là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Mặc dù trong nội bộ Công đảng cũng bao gồm nhiều phe phái với những lợi ích hết sức đa dạng và phức tạp, nhưng đây là vấn đề trong nội bộ Đảng. Còn khi thể hiện ra bên ngoài, họ phải là một khối thống nhất. Các hoạt động, ngôn luận của ứng cử viên nghị sĩ, người phát ngôn của Đảng và các tổ chức Đảng Khu vực bầu cử phải chịu sự chỉ đạo và giám sát của Trung ương Đảng và lãnh tụ. Nếu các nghị sĩ của Công đảng làm cho danh dự của Đảng bị tổn hại thì lãnh tụ Đảng có quyền khai trừ họ ra khỏi Đảng⁴ Thông qua những quy định đó, quyền hạn của Ban Lãnh đạo toàn quốc và Lãnh tụ Đảng được tăng cường, quyền hạn của tổ chức cơ sở bao gồm các đoàn thể như Công đoàn... và tổ chức Đảng Khu vực bầu cử bị cắt giảm.

Về tài chính của Đảng:

Trước kia, kinh phí của Đảng chủ yếu dựa vào Công đoàn. Nhằm giảm sự phụ thuộc tài chính dẫn tới tình trạng can thiệp quá sâu của Công đoàn đối với Đảng, từ cuối thập niên 80, Công đảng đã cải cách bằng cách từng bước thu hút từ các nguồn xã hội. Nếu như năm 1983, 96% tổng thu nhập của Đảng (bao gồm cả quỹ bầu cử) đều đến từ Công đoàn, thì 10 năm sau đó còn không đến 2/3 và năm 1997 chỉ còn 40%. Hiện nay, kinh phí của Công đảng chủ yếu đến từ đảng phí của đảng viên (chiếm 10% tổng thu nhập của Đảng), tiền quyên góp của các cá nhân,

⁴ David Butler and Gareth Butler, *Thwentieth-Century British Political Facts 1900-2000*, Macmilland Press, London 2000, p. 291.

tổ chức (chiếm tới 50-80% thu nhập của Đảng), một phần từ tài trợ của nhà nước dưới dạng tiền phát triển chính sách và khi ở vị trí đảng đối lập trong Hạ viện (Short Money) cũng như Thượng viện (Cranborne Money).

2. Phương thức cầm quyền của Công đảng

Đối với cơ quan lập pháp:

Trung tâm của hệ thống chính trị Anh quốc là Quốc hội. Để giành được quyền kiểm soát Quốc hội, một đảng chính trị phải giành được đa số ghế trong cuộc bầu cử, và sau đó giành luôn quyền thành lập Chính phủ. Với phương thức trên, khi một đảng thắng cử, họ có quyền kiểm soát cả cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra đối với Công đảng không chỉ là tìm cách tác động, hoặc gây áp lực vào quá trình lập pháp, mà vấn đề là phải làm sao để giành thắng lợi trong bầu cử Quốc hội và giữ được sự thống nhất trong Đảng khi Đảng trở thành đảng cầm quyền. Một khi đã kiểm soát được Quốc hội với đa số áp đảo, Đảng có thể kiểm soát cơ quan lập pháp và dễ dàng thể chế hoá cương lĩnh và đường lối chính trị của mình thành các đạo luật, các chính sách của nhà nước. Công đảng đã áp dụng các biện pháp sau:

Một là, sử dụng các uỷ ban chuyên môn của Đảng để xây dựng các chương trình lập pháp và chỉ đạo quá trình soạn thảo các dự luật trước khi nó được trình tới Quốc hội. Cơ cấu hoạch định chính sách của Công đảng bao gồm: Diễn đàn Chính sách quốc gia, Uỷ ban Chính sách và Uỷ ban Chính sách liên

hợp... Diễn đàn Chính sách quốc gia (National Policy Forum NPF) gồm 8 uỷ ban chính sách, phụ trách thẩm tra, giám sát tình hình và đề xuất phát triển chính sách của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế và xã hội, mậu dịch và sản nghiệp, môi trường, vận tải và khu vực, y tế và phúc lợi, giáo dục và việc làm, tội phạm và tư pháp, dân chủ và công dân, được tổng hợp thành “Kế hoạch chế định chính sách hành động” Sau khi Kế hoạch được Diễn đàn thảo luận sẽ đệ trình lên Uỷ ban Chính sách liên hợp. Uỷ ban này do Chủ tịch Đảng chủ trì, phụ trách giám sát việc thực thi Kế hoạch, bao gồm nghiên cứu hoạch định chính sách, tuyên ngôn tranh cử và vấn đề tranh cử, thẩm duyệt và đệ trình các văn kiện chính sách lên Ban Chấp hành toàn quốc của Đảng. Ban Chấp hành toàn quốc sẽ đem những văn kiện này trưng cầu ý kiến của toàn Đảng. Uỷ ban Chính sách có nhiệm vụ tiếp thu các ý kiến có liên quan, khởi thảo báo cáo chính sách đệ trình để Đại hội Đảng tranh luận và thông qua thành Nghị quyết⁵ Văn kiện chính sách một khi được Đại hội Đảng thông qua là được đưa vào Cương lĩnh tranh cử của Đảng và được thực thi khi Đảng thắng cử lên cầm quyền. Uỷ ban Chính sách cũng có thể lấy những văn kiện có liên quan để triển khai hoạt động “đối thoại giữa Đảng và Chính phủ”, tiến hành trưng cầu dân ý...

Thông qua các mối liên hệ chặt chẽ với các thành viên của Quốc hội và các quan chức cao cấp của chính phủ, các chuyên gia

⁵ Dennis Kavanagh, *British Politics – Continuities and Change*, Oxford University Press, 2000, p. 204.

cao cấp trong các Ủy ban có vai trò quan trọng đối với quá trình hoạch định chính sách quốc gia vì họ xác định chương trình lập pháp cũng như các lĩnh vực chính sách khác nhau của đời sống kinh tế - chính trị văn hoá xã hội. Sự tác động qua lại giữa các cơ chế hoạch định chính sách giúp cho Đảng xác định được các vấn đề chính sách trước khi nó được đưa ra Nội các hay Quốc hội quyết định.

Hai là, nắm giữ những uỷ ban quan trọng của Quốc hội để kiểm soát quá trình lập pháp. Các uỷ ban thuộc Hạ viện được giao chức trách điều tra các sự vụ và giám sát mọi hoạt động của chính phủ. Khác với một số nước khác, Hạ viện Anh không thành lập các uỷ ban thường trực để thực hiện nhiệm vụ lập pháp, mà chỉ thành lập các uỷ ban lâm thời chuẩn bị các dự án luật cụ thể và các uỷ ban này chỉ xem xét dự án luật sau khi đã có những đồng ý về nguyên tắc của Nghị viện sau lần đọc thứ hai. Việc tiến hành thảo luận, tranh cãi cũng như sửa đổi các dự luật chủ yếu được tiến hành tại các uỷ ban. Sau khi đã hoàn tất những thủ tục tại các uỷ ban chuyên môn, dự luật được chuyển đến phiên họp toàn thể của Quốc hội. Tại đây, Công đảng sẽ sử dụng quyền của đa số để bỏ phiếu thông qua hoặc chống lại dự luật bằng đa số áp đảo. Sức mạnh của Đảng trong các uỷ ban được xác định bởi sự tương quan lực lượng trong Quốc hội. Trong thời gian cầm quyền, Công đảng thường đưa các nghị sĩ của mình giữ chức chủ tịch các uỷ ban quan trọng (ngoại trừ một số uỷ ban có chức năng giám sát như Ủy ban Tài chính công...)

nhằm kiểm soát quá trình thông qua chính sách và ngăn ngừa khả năng làm tắc nghẽn quá trình lập pháp bởi các đảng đối lập. Ngoài ra, Đảng còn tìm cách bổ nhiệm các nhà quý tộc có cùng lập trường vào Thượng viện. Hầu hết các dự luật trước khi được đưa ra trình Hạ viện đã được Ban lãnh đạo của Đảng thảo luận trước. Vì vậy, các phiên họp toàn thể của Hạ viện dường như chỉ là để hợp pháp hoá các chính sách của Đảng mà thôi.

Ba là, xây dựng một hệ thống kỷ luật chặt chẽ nhằm chỉ đạo các đảng viên của Đảng trong Quốc hội bỏ phiếu theo định hướng của Đảng.

Khi bỏ phiếu tại Quốc hội, các đảng viên trong Đảng Nghị viện không thể bỏ phiếu theo ý chí của bản thân, mà buộc phải bỏ phiếu theo ý chí chung đã được giới lãnh đạo trong Đảng nhất trí thông qua. Điều đó cũng dễ hiểu, bởi việc trở thành nghị sĩ của họ là do Đảng đứng ra giới thiệu. Cử tri bỏ phiếu trước hết là cho Đảng, chứ không phải cho cá nhân các nghị sĩ trúng cử. Kể cả trong trường hợp ứng cử viên đó vốn là đảng viên - quan chức đương nhiệm, sau khi xin ra khỏi Đảng và tranh cử với tư cách độc lập. Thường trước mỗi cuộc bỏ phiếu quan trọng, các nghị sĩ thủ lĩnh Đảng trong Quốc hội đã có cuộc họp trừ bị riêng để thống nhất phương án bỏ phiếu của các nghị sĩ. Thực tế chính trị cho thấy, sự trung thành đối với phe phái, với đảng của mình trở thành một trong những tiêu chuẩn của các nhà chính trị. Do vậy, tình trạng “đào ngũ”, không bỏ phiếu theo sự chỉ đạo của Đảng hầu như khó có thể

xảy ra. Có thể nói, trong chế độ nghị viện nói chung, mô hình chính trị Anh quốc nói riêng, kỷ luật đảng tốt (bỏ phiếu theo định hướng của Đảng) là yếu tố quan trọng cho sự tồn tại của Chính phủ⁶

Có thể nói, Công đảng đã áp dụng khá thành công các kỹ năng kiểm soát quá trình lập pháp và duy trì được quyền lãnh đạo của mình trong Quốc hội, đặc biệt là ở Hạ viện. Còn khi không cầm quyền, ở vào vị trí đảng đối lập trong Nghị viện, Công đảng có trách nhiệm tìm ra sự khiếm khuyết của Đảng Bảo thủ cầm quyền, sẵn sàng thay thế khi đảng này không còn được cử tri tín nhiệm.

Đối với cơ quan hành pháp:

Theo cơ chế hiện hành, Chính phủ Anh quốc được hình thành dựa trên cơ sở một đảng duy nhất cầm quyền. Thủ tướng là người lãnh đạo đảng chiếm đa số ghế trong Quốc hội được bầu. Điều đó cũng có nghĩa rằng, các nguyên tắc và thủ tục lựa chọn Thủ tướng là công việc bị chi phối bởi các đảng chính trị. Trong quá trình trên, các nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng là những người có quyền quyết định cao nhất.

Trong khuôn khổ của mô hình Nghị viện, đa số các dự luật được thông qua ở Quốc hội là do cơ quan hành pháp chuẩn bị. Chính Ban Lãnh đạo Đảng, những người đang nắm giữ các cương vị trong bộ máy nhà nước hoặc chỉ giữ những cương vị then chốt trong Đảng, là lực lượng chỉ đạo bộ máy hành pháp, mà trước tiên là thông qua Thủ

tướng và các bộ trưởng. Những người này sẽ phải chuẩn bị các dự án, các chính sách theo các đề cương đã được các uỷ ban chuyên môn của Đảng soạn thảo. Với quyền ra các văn bản dưới luật, tức là trực tiếp hoá các điều khoản của luật, Chính phủ cũng tuân thủ các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, thể hiện được tinh thần mà Ban lãnh đạo Đảng đã thông qua. Trong trường hợp xuất hiện những bất đồng trong nội bộ Đảng, giữa những người đang nắm giữ cơ quan hành pháp với bộ phận còn lại trong Đảng, hoặc giữa đại diện của các phe phái trong Chính phủ, việc lãnh đạo cơ quan này của Đảng sẽ được thực hiện thông qua các đảng viên trong Quốc hội. Các đảng viên trong Hạ viện sẽ sử dụng quyền chất vấn của mình để buộc các bộ trưởng trong chính phủ phải điều chỉnh chính sách. Ở một mức độ cao hơn, một vị bộ trưởng có thể phải từ chức do không tìm ra được những đối sách hiệu quả. Ngoài ra, bằng lá phiếu của mình, các đảng viên nghị sĩ trong Hạ viện có thể bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với Chính phủ, buộc Thủ tướng cùng Nội các phải từ chức và thay thế bằng một ê kíp lãnh đạo mới của Đảng. Trên thực tế, điều này khó xảy ra. Nhìn bề ngoài, việc Quốc hội bác bỏ các đường lối, chính sách do Chính phủ đề xuất là biểu hiện của mâu thuẫn giữa cơ quan lập pháp đối với cơ quan hành pháp, nhưng thực chất đó chẳng qua chỉ là biểu hiện của những mâu thuẫn trong nội bộ của đảng cầm quyền mà thôi.

Đối với cơ quan tư pháp:

Tư pháp là một bộ phận quan trọng của công quyền. Sự chi phối đối với cơ quan tư

⁶ Ngô Huy Đức, *Đảng chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa*, Thông tin Chính trị học, số 15/2003.

pháp là một mặt quan trọng để Đảng cầm quyền củng cố địa vị của mình. Cũng như nhiều đảng chính trị khác ở các nước phương Tây, Công đảng khi cầm quyền thường sử dụng những phương thức sau để chi phối cơ quan tư pháp: *Một là*, thông qua Nghị viện để quy định kết cấu và chức năng của cơ quan tư pháp, thông qua việc thực thi điều khoản của pháp luật để quán triệt ý đồ chính trị của đảng. *Hai là*, thông qua việc giới thiệu hoặc trực tiếp bổ nhiệm nhân viên tư pháp cấp cao để tác động tới cơ quan tư pháp. Do vậy, bên cạnh vị trí Huân tước Chương án (Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Công đảng cũng phải lựa chọn người đảm nhiệm chức vụ Chánh án Tòa án Tối cao. Bởi vì, theo luật pháp Anh, Chánh án Tòa án Tối cao là người đứng đầu tư pháp, nhưng lại là thành viên của Thượng viện, đồng thời cũng là thành viên của hành pháp, có nghĩa là chức vụ này nằm ở giao điểm của 3 nhánh quyền lực nhà nước, vị trí này có quyền căn cứ vào đề cử của cơ quan và các tổ chức tư pháp khác nhau để bổ nhiệm chánh án tòa án cấp thấp và Chánh án Trị an. Thông qua vị trí này, Công đảng có thể phối hợp một cách hài hòa giữa hoạt động của cơ quan tư pháp với chính sách của chính phủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hiện đại hóa trong hệ thống tổ chức của Công đảng Anh*, Tạp chí Những vấn đề CNXH thế giới đương đại (Trung Quốc), số 3/2002.

2. Nguyễn Xuân Tế - Đặng Đình Thành, *Vai trò của các đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng đối với nhà nước trong chủ nghĩa tư bản hiện đại (qua khảo sát một số mô hình tiêu biểu)*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 1/2003.

3. Ngô Huy Đức, *Đảng chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa*, Bản tin Thông tin Chính trị học, số 15/2003.

4. Chử Thị Nhuận, *Sự ảnh hưởng của các đảng chính trị đến chính thể nhà nước một số quốc gia phương Tây*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 4 (70)/2006.

5. Lương Văn Kế, *Phương thức cầm quyền của các chính đảng phương Tây*, Thông tin chuyên đề, Viện TTKH, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, số 1/2010.

6. Tài liệu Hội thảo "*Tổ chức và hoạt động của đảng dân chủ xã hội qua kinh nghiệm của Đức, Thụy Điển, Anh*", do Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và Viện FES tổ chức. Hà Nội 11-12/10/2011.

7 Bill Jones & Dennis Kavanagh, *British politics today*, Manchester University Press, 1998

8. Dennis Kavanagh, *British Politics - Continuities and Change*, Oxford University Press, 2000.

9. David Butler and Gareth Butler, *Twentieth-Century British Political Facts 1900-2000*, Macmilan Press, London 2000.

10. Paul Webb, *The Modern British Party System*, SAGE Publications Ltd 2000.